

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 73/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng T D, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 152 Hùng Vương, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y.

2. Bị đơn: Chị Dương T T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Đắc Tin, xã Đắc Ngok, huyện X, tỉnh Y.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền phải trả: Chị Dương T T phải trả cho bà Đặng T D tính đến ngày 23/6/2020 tổng số tiền 36.829.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu tám trăm hai mươi chín ngàn đồng*). Trong đó: Số tiền gốc là 32.095.000 đồng (*Ba mươi hai triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng*), số tiền lãi 4.734.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn đồng*).

Căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật, bà Đặng T D (bên có quyền) có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Dương T T (bên có nghĩa vụ) chậm trả tiền thì bên có nghĩa vụ phải chịu lãi suất như đã thoả thuận là 0.8%/tháng tính từ ngày 24/6/2020 cho đến khi người có nghĩa vụ trả hết nợ cho bên có quyền đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho bên có quyền.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 6; Điều 18; Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Dương T T phải chịu là 920.725 đồng (*Chín trăm hai mươi ngàn bảy trăm hai mươi lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng T D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho bà Đặng T D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 916.000 đồng (*Chín trăm mười sáu ngàn đồng*) bà D đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004265 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Y.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Y;
- Các đương sự;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Trọng Hàn